

Phụ lục II

MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG DÙNG TẠI SỞ TƯ PHÁP

(Bổ sung Phụ lục XIX tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 20/2/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Năm 2018	Thời gian tới		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
1	Máy scan bộ phận kế toán: - Khổ giấy: A4, Bộ nhớ ram: 256MB; Tốc độ Scan: Tối đa 35ppm/100 ipm (đen trắng, 300 ppi); Khay nạp bản gốc 50 tờ khổ 75g/m2 - Độ phân giải: độ nét từ 100 dpi đến 150 dpi trở lên (trụ tiên độ nét nhỏ nhất và có thể đọc được) lên đến 600 dpi (màu và đơn sắc) - Chuẩn kết nối: USB 2.0 tốc độ cao; scan 2 mặt tự động; Hiệu suất: 3.500 trang/ngày	Cái		1	1		20.600.000	x			x	Theo lộ trình triển khai thực hiện giao dịch điện tử qua Trang thông tin dịch vụ công trực tuyến của KBNN đối với các đơn vị sử dụng ngân sách	Dùng cho hoạt động scan hồ sơ kế toán giao dịch Trang Dịch vụ công của KBNN
2	Máy scan dùng cho hoạt động cấp phiếu Lý lịch tư pháp (HP ScanJet Pro 5000 S4 hoặc cao hơn) - Khổ giấy: A4, Bộ nhớ ram: 256MB; Tốc độ Scan: Tối đa 35ppm/100 ipm (đen trắng, 300 ppi); Khay nạp bản gốc 50 tờ khổ 75g/m2 - Độ phân giải: lên đến 600 dpi (màu và đơn sắc); Chuẩn kết nối: USB 2.0 tốc độ cao; scan 2 mặt tự động Hiệu suất: 3.500 trang/ngày; Kích thước: 310 x 198 x 190 mm	Cái		1	1		20.600.000	x			x	Công văn 58/TTLLTPQG-HCTH ngày 17/01/2019 và Công văn số 135/TTLLTPQG-HCTH ngày 15/03/2019 của Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia	Dùng cho hoạt động Scan hồ sơ gửi Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia xác minh để cấp Phiếu lý lịch tư pháp

Phụ lục III

MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG DÙNG TẠI SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
(Bổ sung Phụ lục XVIII tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 20/2/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
Năm 2019	Thời gian tới												
I	Trung tâm huấn luyện và Thi đấu TDTT												
1	Xe cắt cỏ sân vận động - Động cơ 20hp - 4 bánh xe, có ghế ngồi cho người điều khiển - Dao cắt 2 lưỡi khổ 42 inch - Có số tiến và số lùi, dễ điều khiển - Có nắp tăng, hạ lưỡi dao, chủ động được chiều cao cỏ cần cắt - Thùng thu gom cỏ sau khi cắt. - Công suất hoạt động: 6.000m2/h - Xuất xứ: Hoa kỳ	Chiếc		2	2	270.000.000		x	x				Dùng để cắt cỏ, chăm sóc mặt sân vận động tỉnh Đồng Nai
II	Nhà hát Nghệ thuật												
2	Micro condenser thu âm: điện dung cấp nguồn phantom 18V, dải tần 20Hz - 20kHz, độ nhạy 23mV/Pa, trở kháng 50 ohm, áp lực cao nhất 138dB	Cái		1	1	25.000.000		x	x				Sử dụng để thu âm, phục vụ biểu diễn của đơn vị

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Chi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
				Năm 2018	Thời gian tới								
3	Soundcard RME800+card kết nối 1394: Thu đồng thời 56 kênh, kết nối máy tính firewire400, phân giải âm thanh cao nhất 2/192kHz, dải rộng âm thanh: SNR 126dB RMS unweighted, tích hợp windows/Mac, hệ tiếng VST, AV, GSIF, số đầu vào: 4xLR, 1/4inch balanced	Cái		1	1	26.000.000		x	x			Sử dụng để thu âm, phục vụ biểu diễn của đơn vị	
4	Phần mềm mix nhạc UAD 4 nhân bản quyền của UAD	Cái		1	1	150.000.000		x	x			Sử dụng để thu âm, phục vụ biểu diễn của đơn vị	
5	Phần mềm cubase 9Pro	Phần mềm		1	1	10.000.000		x	x			Dùng thu âm, làm nhạc, hòa âm phối khí	
6	iPream Manley Core: Đáp ứng tần số 20Hz-60Hz, tỷ lệ tín hiệu trên nhiễu: 113dB, khuếch đại bóng với 60dB cho miro, hiệu chỉnh tần số 3 band: Lo, Mid, Hi	Cái		1	1	42.000.000		x	x			Sử dụng để thu âm, phục vụ biểu diễn của đơn vị	
7	Lọc điện và bảo vệ nguồn thiết bị	Bộ		1	1	2.500.000		x	x			Bảo vệ thiết bị phòng thu âm	
8	Bộ chia loa phòng thu âm Macrie(Big Knob): Thiết kế micro talk back, 02 ngõ cắm headphone, kênh vào: 6xTRS, 2xRCA, Kênh ra: 6xTRS, 2x1/4	Bộ				8.000.000		x	x			Sử dụng để thu âm, phục vụ biểu diễn của đơn vị	

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Năm 2018	Thời gian tới		Tổng cộng	Nhóm tài sản là thiết bị vẫn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất
13	Micro không dây cầm tay EW 135G3: - Tần số sóng mang: 516 ... 865 MHz; tần số thu phát: 1680 - Bộ nhớ có sẵn: 12 chương trình; tần số đáp ứng (Micro): 80 Hz - 18 KHz; tỉ số tín hiệu nhiễu: > 110 dB(A) - Độ méo tiếng: < 0.9%; jack kết nối chuẩn XLR: 6.3 mm - Mức tín hiệu ra cân bằng: XLR +18 dBu Max - Mức tín hiệu ra không cân bằng: Jack + 12 dBu Max - Công suất phát sóng: 30 mW; Thời gian làm việc bộ phát: > 8h; Kích thước bộ phát: d= 50 mm, L=265 mm - Độ nhạy micro: 2.1 mV/Pa; Đầu micro loại Dynamic - Đặc tính định hướng: Cardioid	Bộ	5	10		10	18.600.000	x	x			Thông tư 20/2014/TT BVHTTDL ngày 9/12/2014	

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú		
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Năm 2018	Thời gian tới		Tổng cộng	Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
14	Micro không dây cài áo: Tần số sóng mang: 516 ... 865 MHz Tần số thu phát: 1680; Bộ nhớ có sẵn: 12 chương trình Tần số đáp ứng (Micro): 80 Hz - 18 KHz Tỉ số tín hiệu nhiễu: > 110 dB(A); Độ méo tiếng: < 0.9% Jack kết nối chuẩn XLR: 6.3 mm Mức tín hiệu ra cân bằng: XLR +18 dBu Max Mức tín hiệu ra không cân bằng: Jack: 12 dBu Max Công suất phát sóng: 30 mW; Thời gian làm việc bộ phát: > 8h; Độ nhạy micro: 20 mV/Pa; Đầu micro loại Condenser; Đặc tính định hướng: Cardioid	Bộ		10		10	1.900.000		x	x			Phục vụ công tác cho đội tuyên truyền lưu động	

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)		Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ	Ghi chú
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Năm 2018	Thời gian tới			Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống riêng lẻ	
15	Micro không dây cài đầu (EW 100 G4-ME3): - Tần số sóng mang: 516 ... 865 MHz; Tần số thu phát: 1680 - Tần số đáp ứng (Micro): 80 Hz - 18 KHz; Tỷ số tín hiệu nhiễu: ≥ 110 dBA - Độ méo tiếng: $< 0.9\%$; Jack kết nối chuẩn XLR: 6.3 mm - Mức tín hiệu ra cân bằng: XLR +18 dBu Max; Mức tín hiệu ra không cân bằng: Jack: +12 dBu Max - Kích thước bộ nhận (dài x rộng x cao): 190 x 212 x 43 mm; Trọng lượng bộ nhận: 980 g; Kích thước bộ phát (dài x rộng x cao): 82 x 64 x 24 mm - Trọng lượng bộ phát: 160 g; Công suất phát sóng: Max 30mW - Pin: 2 Pin AA; Độ nhạy micro: 1.6 mV/Pa; Đầu micro loại Condenser; Đặc tính định hướng: Cardioid	Bộ	-	-	5	5	30.910.000	x	x		Thông tư 20/2014/TT-BVHTTDL ngày 9/12/2014	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Năm 2018	Thời gian tới	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng	Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
16	Mixer kỹ thuật số - 24 đường: 24 Mono Mic/Line Inputs (TRS + XLR); 3 Stereo Inputs (TRS); 20 đường Outputs; 24 Fader điều khiển - Màn hình cảm ứng 7 inch; Graphic EQ (31 band) cho các ngõ ra; 4 máy effects độc lập; 4 Mute Groups, 4 DCA Groups; Parametric EQ 4 band trên một kênh, HPF - Comp, Gate cho 32 kênh trộn âm; Delay cho ngõ ra âm thanh; kết nối với Ipad; 1 Port dSNAKE. Kích thước (H x W x D): 186 x 632 x 471 mm. Trọng lượng: 14 kg	Cái			1	1	7.600.000	x	x			Thông tư 20/2014/TT BVHTTDL ngày 9/12/2014	
17	Loa full tích hợp sẵn công suất: Vantec 15A Công suất liên tục 750 W(Class D); Công suất đỉnh 1500 W (Class D); Dải tần (-10 dB) 45 Hz - 20 kHz SPL đỉnh ở 1 m 135 dB; Chức năng Bluetooth Độ phản tán 90° x 50°; Chất liệu vỏ Gỗ cây bulô Màu sắc ISO-flex, sơn đen; Connectors INPUT: Female XLR LOOP THRU: Male XLR; AC INPUT: powerCON Nguồn AC yêu cầu: 230 V, 50 Hz/60 Hz Kích thước (H x W x D): 71 x 44.4 x 37.5 cm Trọng lượng: 24 kg	Cái	4		12	12	33.650.000		x	x		Thông tư 20/2014/TT BVHTTDL ngày 9/12/2014	

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Thời gian tối	Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Cần cứ pháp lý để xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
18	Hộp cáp tín hiệu QU-24 24 đường inputs; 12 đường outputs Kết nối với Mixer thông qua cáp mạng	Cái		1	1	1	36.000.000		x	x		Thông tư 20/2014/TT BVHTTDL ngày 9/12/2015	
19	Loa Sub Tích hợp công suất: Vantec 18A Công suất: 1000W; Dây tần: 30Hz- 125Hz; SPL định ở 1 m 135 dB; Chất liệu vỏ Gỗ cây bulô Màu sắc ISO-flex, sơn đen; Connectors INPUT: Female XLR LOOP THRU: Male XLR; AC INPUT: powerCON Nguồn AC yêu cầu: 230 V, 50 Hz/60 Hz Kích thước (Caoxrộngxđáy): 71 x 54 x 65 cm	Cái	2		4	4	41.800.000		x	x			Thông tư 20/2014/TT BVHTTDL ngày 9/12/2014
20	PAR LED: HPY 5403 - Đèn Led 54 bóng 3W dùng ngoài trời Công suất 180 W - Tín hiệu điều khiển DMX 512 - Góc tia ánh sáng 25 °(lựa chọn 15 °, 45 °) - LED current 750mA ± 5% - Kích thước đóng thùng: 255×250×380 mm - Trọng lượng: 3.3 Kg - Nguồn điện AC 100V-240V 50/60HZ	Cái			20	20	4.000.000		x	x		Thông tư 20/2014/TT BVHTTDL ngày 9/12/2014	

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng dự kiến trang bị	Số lượng đã trang bị	Năm 2018	Thời gian tới		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
21	Waterproof Led Par RGBW 3 in 1: WY5403 Dùng cho ngoài trời Rated power: 150W 54pcs×3W Tianxin bulb, R12 G18 B18 W6 Beam Angle: 25°, 45°, 60° 9 kênh DMX Protection Level: Ip67 Khối lượng: 7 kg	Cái				20	20	6.500.000	x	x		Thông tư 20/2014/TT BVHTTDL ngày 9/12/2014	
22	Beam 230W: MHY 230 MHY 230 là đèn tia Beam 230W /bóng Osram 230W 7R Tuổi thọ bóng đèn: 2000 giờ, nhiệt độ màu 8000K - Công nghệ electronic ballast (chăm lưu điện từ) làm cho sản phẩm nhẹ hơn, sáng hơn và không flash. - Chế độ switch power làm cho sản phẩm nhẹ hơn ổn định và tự bảo vệ. - Lựa chọn 16/20 kênh DMX512 - Trọng lượng: 17.5 Kg	Cái				8	8	25.000.000	x	x		Thông tư 20/2014/TT BVHTTDL ngày 9/12/2014	
23	Máy khối DMX512 3000W: J-330 Điều khiển: bằng remote và bằng DMX512 - Thời gian khởi động: 8 phút - Output: 4000cu.ft/phút - Dung tích bình chứa: 10 lít - Khoảng cách khói phun: 20 m - Khối lượng : 16 kg	Cái				1	1	13.000.000	x	x		Thông tư 20/2014/TT BVHTTDL ngày 9/12/2014	

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Năm 2018	Thời gian tới		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
24	330W Follow Spot: FS330 Rated Power: 450W Bóng: Yodn 16R 330W Màu: 5 color changer (đỏ, xanh lá cây, xanh dương, vàng, trắng) Nhiệt độ màu: 3200 k-8000 k Beam Angle: 5 ° - 9 ° Khoảng cách chiếu: 15 - 50 meters Khối lượng: 13.5 kg	Cái		1		1	38.000.000		x	x		Thông tư 20/2014/TT BVHTTDL ngày 9/12/2014	
25	Mixer đèn 2048 kênh: KK-2048t Khối lượng :23KG; 3000 built-in light database 4 optical isolation DMX512 signal output independently Can control 40 channel programmable light 240 se Các thiết bị đi kèm khác gồm: Dây tín hiệu, micro 3 ruột chuyên dụng; Jack Canon dục kết nối máy,microphones; Jack Canon cái kết nối máy,microphones; Jack cắm đàn, nhạc cụ Chân dùng cho loa Vantec 15A; Gồm các loại ống nẹp đi âm, các hộp nối, tắc kê, ốc vít, dây điện ỏ cắm CP, tù điện; Tủ đựng thiết bị; Tủ chứa Mixer	Cái		1		1	49.407.000		x	x		Thông tư 20/2014/TT BVHTTDL ngày 9/12/2014	

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Năm 2018	Thời gian tới		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
26	Loa Sub đôi: Vantec 218A Công suất định : 4000W Dây tần: 30Hz- 125Hz Tích hợp sẵn công suất Chất liệu vỏ: Gỗ ép cây Bulô Màu sắc: Sơn tĩnh điện /Đen Connectors: INPUT: Female XLR; LOOP THRU: Male XLR; AC INPUT: powerCON; AC OUTPUT: powerCON Nguồn AC yêu cầu: 115 V, 6A, 50 Hz/60 Hz; 230 V, 3A, 50 Hz/60 Hz Kích thước (Cao x rộng x dày): 106 x 54 x 67 cm; Trọng lượng: 72 Kg	Cái		2	2		60.200.000		x	x		Thông tư 20/2014/TT BVHTTDL ngày 9/12/2014	
27	RACK AUDIO: AR2412 24 XLR inputs and 12 XLR outputs	Bộ		1		1	31.000.000		x	x		Thông tư 20/2014/TT BVHTTDL ngày 9/12/2014	
28	1024 kênh DMX512: KK-1024S Có thể điều khiển 100 đèn cùng lúc; Thư viện đèn R20 Tích hợp bộ điều khiển đồ họa - 135 ứng dụng đồ họa Hiệu ứng cầu vòng RGB 12 scenes, 120 scene lặp lại Các thông số đồ họa cài đặt riêng biệt Khối lượng: 11 kg	Cái		1		1	36.590.000		x	x		Thông tư 20/2014/TT BVHTTDL ngày 9/12/2014	

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
				Năm 2018	Thời gian tối								
29	Thùng đựng loa Vantec 15A	Cái		5		5	5.000.000		x	x		Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL, ngày 23/10/2015	
30	Chân treo đèn có tay và khung treo đèn	Cái		4		4	12.000.000		x	x			
31	Ôn áp 20KVA	Cái		1		1	20.000.000		x	x			
32	Cáp REAC 100m, có trục cuốn. W100S-R	Cái		1		1	14.000.000		x	x			
33	Máy phát điện Honda SH11000EX Thông số kỹ thuật: SH 11000 EX Công suất liên tục: 9.0 KW Công suất tối đa: 10.0 kVA Điện áp: 220/240 V Dung tích bình nhiên liệu: 25L Điều chỉnh điện áp: AVR Tần số 50 Hz/Đề điện Tốc độ quay: 3600 rpm Đánh lửa: Transition. Độ ồn: 72dB Trọng lượng tịnh: 89 kg	Cái		1		1	52.000.000		x	x			

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Năm 2018	Thời gian tới		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
34	Máy in màu HP Enterprise Color M553N Printer Thông Số Kỹ Thuật: - Máy in HP màu M553N (Mạng): A4, Lên đến 40ppm (màu / đen) thư, bộ xử lý 1,2 GHz, 1GB lên đến 2GB, Màn hình LCD 4 dòng (đồ họa màu) với phím 10 phím, 1200 * 1200dpi., đầu vào: 100 tờ MP & 550 tờ khay, đầu ra 250 tờ, Chu kỳ nhiệm vụ, Hàng tháng Lên đến 80.000 trang, Kết nối chuẩn Std: Tốc độ cao USB 2.0, tích hợp mạng Fast Ethernet 10/100 / 1000Base-TX, HP ePrint, Apple AirPrint™, được chứng nhận Mopria Cái	Cái		1	1	1	35.000.000	x		x			Phục vụ công tác chuyên môn
35	Máy ảnh Canon 6D Mark II (Body) Xuất xứ: Nhật Bản, Hiệu: Canon; Model: Canon 6D Mark II (Body); - Ống kính Canon 24-105mm F/4L IS USM - Đèn Flash Canon, Model: Canon 430EX-RT III; - Pin sạc cho đèn Flash + Pin Cái	Cái	-	1	-	1	67.500.000		x	x			Phục vụ công tác chuyên môn

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Năm 2018	Thời gian tới		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
36	Máy quay Sony chuyên nghiệp chất lượng truyền hình cảm biến 1/3-type Full HD Exmor® CMOS - Chức năng quay chậm chuyên nghiệp đa dạng - Ống kính zoom G 25x loại mới nhất với góc rộng lên tới 26mm. 2 khe ExpressCard/34 - Kết nối vào ra: HDMI, AV(BNC), USB - Màn hình cảm ứng 3.5", 921.000 điểm ảnh - Kích thước: 7.54 x 7.93 x 16.22" (19.15 x 20.15 x 41.20 cm) - Trọng lượng: 3.2kg. Xuất xứ: Trung Quốc Máy scan HP PRO 2000 S1-L2759A Kích thước tài liệu: A4, LTR Thông số kỹ thuật, Model: PRO 2000 S1-L2759A, Màu sắc: Trắng, Nhà sản xuất: HP; Xuất xứ: Trung Quốc Thời gian bảo hành: 12 tháng; Loại máy scan : Flatbed Tốc độ scan : 24 trang/phút; Độ phân giải: 600 x 600	Cái		1		1	98.000.000		x	x			Phục vụ công tác chuyên môn
37		Cái		1		1	9.000.000	x		x			Phục vụ công tác chuyên môn

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú		
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Năm 2018	Thời gian tới		Tổng cộng	Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
40	Máy chiếu phim công nghệ số full HD cấp đội chiếu phim lưu động - Công nghệ 3 LCD - Độ sáng: 5.300 Ansi lumen (trở lên); Độ phân giải thực: WUXGA (1920 x 1200) - Độ tương phản: 15.000:1 - Bóng đèn: 330W Tuổi thọ bóng: 4.000 giờ chế độ thường, 8.000 giờ chế độ tiết kiệm điện. - Các cổng kết nối: 2xHDMI/Component/Composite/USB/VGA - Kích thước phóng to hình ảnh: 50” - 300” - Ống kính có khả năng dịch chuyển, lên xuống và hai bên - Có hiệu chỉnh Keystone - Điện nguồn: tự động AC100V-240V/50/60HZ - Ống kính: Zoom: 1.6X; Chức năng trình chiếu và điều khiển qua cổng mạng LAN	Máy				5	5	150.000.000		x	x		Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL, ngày 23/10/2015	

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)		Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Thời gian tới	Tổng cộng			Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
41	Máy lưu, giải mã tín hiệu chiếu phim (âm thanh, hình ảnh): - Xử lý tốt phim có độ phân giải 4K với nhiều định dạng file phim thông dụng; Giải mã âm thanh chuẩn 7.1. Hỗ trợ âm thanh HD Master Audio, LPCM, FLAC; 2 Khay chứa ổ cứng 3,5 inch chuẩn SATA có chức năng thay nóng; Ổ cứng trong 4TB; - Hỗ trợ định dạng phụ đề: SRT, SUB, SSA/ASS (MKV), VobSub (MP4), PGS (Bluray)...; - Có chức năng Upscaling giúp nâng chất lượng video SD lên chất lượng gần như Full HD(1080p); - Các loại kết nối tiêu chuẩn đi kèm: HDMI, stereo audio, component video, composite video, optical, coaxial, cổng USB; - Có chức năng quản lý file hữu dụng (sao chép, di chuyển, xóa, thay đổi, sắp xếp và tìm). Có hỗ trợ kết nối mạng - Điện nguồn: Tự động AC100V-240V/50/60HZ.	Máy		5	5	5	15.000.000			x	x		Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL, ngày 23/10/2015	

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Năm 2018	Thời gian tới		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
42	Bộ âm thanh cho đội chiếu phim lưu động - Xù lý tốt phim có độ phân giải 4K với nhiều định dạng file phim thông dụng; Tăng âm: Điện nguồn: Tự động AC 100V-240V/50/60HZ; Số kênh: 2 kênh - Công suất mỗi kênh: 300W/ 1kênh; Tăng ra công suất sử dụng transistor rời. - Trở kháng loa: từ 4Ω-8Ω (tương thích với trở kháng ra của Máy tăng âm) Loa thùng: - Công suất: 300W/1loa - Trở kháng: 4Ω-8Ω (tương thích với trở kháng ra của Máy tăng âm) - Dải tần 53Hz - 19.000Hz Máy tính laptop - Giải mã âm thanh chuẩn 7.1. Hỗ trợ âm thanh HD Master Audio, LPCM, FLAC; - Bộ vi xử lý - CPU Inter Core i7 7700HQ (4x2.8Ghz-6Mb) - Bộ nhớ trong: RAM: 8GB - Cạc đồ họa VGA rời, 4GB - Ổ đĩa cứng HDD: 1TB+128GB SSD - Kích cỡ màn hình LCD: 15,6" - Ổ đĩa quang đi động DVD Multi - Mouse cảm ngoài	Bộ		5	5	180.000.000		x				Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL, ngày 23/10/2015	
43		Máy		5	5	25.000.000		x		x		Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL, ngày 23/10/2015	

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Thời gian tới	Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tại sân
44	Máy nổ phát điện - 2 Khay chứa ổ cứng 3,5 inch chuẩn SATA có chức năng thay nóng; - Điện áp ra: 220/240V - Số pha: 1 - Tần số: 50Hz/60Hz - Công suất dự phòng: 4.4/4.7 kVA - Công suất định mức: 4.0/4.3 kVA - Hệ thống khởi động: Đề nổ bằng điện, bằng tay - Nhiên liệu: Chạy xăng - Màn ảnh chiếu phim lưu động	Máy		5	5	5	14.000.000		x	x		Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL, ngày 23/10/2015	
45	Màn ảnh chiếu phim lưu động - Ổ cứng trong 4TB; - Kích thước đường chéo 300 inch - Khung viền đen, cấu trúc chắc, không thấm nước, thuận tiện gắn vào tường - Vật liệu chất lượng cao, có chống mốc - Loại màn ảnh phản xạ đều. - Tủ đựng thiết bị chiếu phim lưu động - Hỗ trợ định dạng phụ đề: SRT, SUB, SSA/ASS (MKV), VobSub (MP4), PGS (Bluray)...	Cái		5	5	5	35.000.000		x	x		Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL, ngày 23/10/2015	
46	- Che được mưa gió, có độ thông thoáng, 3 ngăn, chắc chắn, gọn nhẹ, tháo lắp dễ dàng, không gỉ	Cái		5	5	5	10.000.000		x	x		Thông tư số 08/2015/TT-BVHTTDL, ngày 23/10/2015	

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Năm 2018	Thời gian tối	Tổng cộng	Nhóm tài sản là thiết bị vẫn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
47	Loa phóng thanh tuyên truyền gắn xe đội chiếu phim lưu động: - Công suất 30W - 60W - Có chức năng Upscaling giúp nâng chất lượng video SD lên chất lượng gần như Full HD(1080p);	Cái		10		10	3.000.000		x	x		Thông tư số 08/2015/TT- BVHTTDL, ngày 23/10/2015	
48	Đầu phát Karaoke - Đầu karaoke HDMI, nhạc có bản quyền - Các loại kết nối tiêu chuẩn đi kèm: HDMI, stereo audio, component video, composite video, optical, optical, coaxial, cổng USB;	Máy		5		5	6.000.000		x	x		Thông tư số 08/2015/TT- BVHTTDL, ngày 23/10/2015	Phục vụ công tác cho đội tuyên truyền lưu động và chiếu phim lưu động
49	Amplify gắn xe tuyên truyền	Máy		5		5	5.500.000		x	x			
50	Máy in đĩa	Máy		2		2	20.000.000		x	x		Thông tư số 08/2015/TT- BVHTTDL, ngày 23/10/2015	Phục vụ công tác cho đội tuyên truyền lưu động và chiếu phim lưu động
51	Ghế ngồi xem phim lưu động: Ghế nhựa cao cấp: có chức năng quản lý file hữu dụng (sao chép, di chuyển, xóa, thay đổi, sắp xếp và tìm). Có hỗ trợ kết nối mạng	Cái		2.400		2.400	57.000	x		x			
V	Bảo tàng Đồng Nai												
52	Máy lạnh	Máy	20	6		26	25.000.000	x		x			Bảo quản hiện vật trưng bày
53	Thiết bị phòng cháy, chữa cháy	HT		1		1	50.000.000	x		x			Trang bị cho các di tích đã xếp hạng

Phụ lục IV

MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG TẠI SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
(Bổ sung Phụ lục XX tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 20/2/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dụng	ĐVT	Số lượng tối đa			Giá trị (tổng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng		Nhóm tài sản thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ		
1	Máy cắt cỏ Honda GX 35 Thái Lan, momen	Cái	2	2	2	14.000.000				x	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
2	Máy phun thuốc cỏ Vikimo momen xoắn 220-380kg/ph	Cái	2	2	2	11.000.000				x		Cần thiết để dọn dẹp cỏ khu vực quanh mộ, khu vực vành đai của NTLs
												Cần thiết để phun thuốc cỏ cho BQLNT

Phụ lục V

MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG TẠI SỞ NỘI VỤ VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ	Ghi chú
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng			Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù		
					Năm 2019	Trong thời gian tới					
1	Máy Scan	Cái		1	1	60.000.000	x		x		Lưu trữ hồ sơ tôn giáo

Phụ lục VI

MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG TẠI SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
(Bổ sung Phụ lục XIII tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 20/2/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa			Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ		
I	Chi cục Thủy sản										Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tại sân	Căn cứ pháp lý đề xuất
1	Tàu kiểm ngư Loại vó: Composite, loại máy Yanmar	Cái	1	2	3	1.748.450.000		x		x		
II	Ban Quản lý RPH Long Thành										Phục vụ công tác tuần tra, bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh	
1	Máy scan	Cái	1	2	3	15.000.000	x			x		
2	Máy phát điện	Cái	7	0	7	15.000.000		x		x	Phục vụ cho công tác phân trường ngập mặn không có lưới điện sinh hoạt	
III	Chi cục Kiểm lâm											
1	Máy Flycam, Hiệu phantom, Pro Plus v2.0	Cái	0	2	2	48.000.000		x		x	Phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng	
2	Băng ảnh Camera 12MP, gắn hồng ngoại	Cái	0	4	6	8.000.000		x		x		
IV	Chi cục Chăn nuôi và Thú y										Xét nghiệm mẫu bệnh động vật, thủy sản	
1	Buồng cấy an toàn sinh học cấp 2 (LABone.HuyAIR Bio2 - Việt Nam)	Cái	1	1	2			x	x			

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa			Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng		Nhóm tài sản là văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ		
2	Tủ âm sâu -20°C đến - 20°C (Arctiko - Đan Mạch)	Cái	1	1	2			x	x		Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
3	Tủ âm sâu -50°C đến - 86°C (Arctiko - Đan Mạch)	Cái	1	1	2			x	x			Xét nghiệm mẫu bệnh động vật, thủy sản
4	Máy Realtime PCR nguyên khối MyGo Mini (IT-IS life Science- Anh Quốc)	Cái	1	1	2			x	x			Xét nghiệm mẫu bệnh động vật, thủy sản
5	Cân tích 4 số lẻ PA214C (Ohau - Mỹ)	Cái	1	1	2			x	x			Xét nghiệm mẫu bệnh động vật, thủy sản
6	Micropipette 1 kênh 0,5- 10ul (LabNet-Mỹ)	Cái	2	3	5			x	x			Xét nghiệm mẫu bệnh động vật, thủy sản
7	Micropipette 1 kênh 10- 100ul (LabNet-Mỹ)	Cái	2	3	5			x	x			Xét nghiệm mẫu bệnh động vật, thủy sản
8	Micropipette 1 kênh 100- 1000ul (LabNet-Mỹ)	Cái	2	5	7			x				Xét nghiệm mẫu bệnh động vật, thủy sản
9	Micropipette 1 kênh 1- 5ml (LabNet-Mỹ)	Cái	1	2	3			x				Xét nghiệm mẫu bệnh động vật, thủy sản
V	Chi cục Trồng trọt và BVTV											
1	Máy định vị Garmin GPSMAP 64S	Cái	13		13	8.085.000		x		x		Phục vụ ứng dụng GIS trong quản lý trồng trọt và BVTV trên địa bàn tỉnh
2	Tủ Rack Model Rack-42U W600xdl000	Cái	1		1	9.900.000		x	x			
3	Máy chủ Server 1x HPE DL 380 Gen10 4108 Xeon-S 2x HPE 16GB 1Rx4 PC4-2666V-R 3xHPE 600GB SAS 12G 1xHPE Smart Array P408i-a SR Gen10 LCD HP ProDisplay P17A 17inch	Bộ	1		1	153.984.000		x	x			

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa			Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
4	4UPS dùng cho hệ thống Server Model: APC Rackmount Smart-UPS	Cái	1		1	58.630.000		x	x			Phục vụ ứng dụng GIS trong quản lý trồng trọt và BVTV trên địa bàn tỉnh
5	Ứng dụng GIS trong việc quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh - Phần mềm cơ sở dữ liệu quản lý cây trồng bảo vệ thực vật	Bộ		1	1	1.060.000.000		x	x			
6	Thiết bị kiểm tra bệnh	Cái		1	1	380.000.000		x		x	Điều 16, Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật "Trách nhiệm của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật"	
7	Máy đo độ brix trong trái cây	Cái		1	1	2.000.000		x		x		Kiểm tra trái cây để có hướng khuyến cáo
8	Máy đo lá cây phân tích NPK trong đất về sinh trưởng sinh dưỡng trong cây	Cái		1	1	66.000.000		x				Kiểm tra trái cây để có hướng khuyến cáo
9	Máy phân tích NPK trong đất	Cái		1	1	26.000.000					Khoản 8 điều 42 Nghị định	
10	Máy đo các chỉ tiêu trong phân bón	Cái		1	1	3.000.000					108/2017/NĐ-CP ngày 20/9/2017	

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa			Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng		Nhóm tài sản là vật phẩm phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
11	Flycam điều tra từ xa	Bộ	1	1	1	20.000.000					Điều 16, Luật bảo vệ và kiểm dịch thực vật "Trách nhiệm của cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật"	
12	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	1	1	1	16.000.000						
13	Bộ dụng cụ điều tra, lấy mẫu (Kéo cắt cành, dao, ống nhôm, kính lúp cầm tay, vợt côn trùng, thước dây, thước gỗ)	Bộ	4	4	4	3.000.000					QCVN 01-172 2014/BNNP TNT, phương pháp điều tra phát sinh hiện vật hại cây hồ tiêu	
14	Thang nhôm rút đôi chữ A	Cái	1	1	1	5.000.000					nt	Kiểm tra độ mặn trên đồng ruộng khu vực sông Đồng Nai để khuyến cáo gieo sạ né mặn
15	Máy đo độ mặn	Cái	1	1	1	3.500.000						

[illegible]

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa			Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng		Nhóm tài sản là văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản
1	Máy cưa cầm tay	Máy		33	33			x		x	Thông báo kết luận của Phó chủ tịch UBND tỉnh tại hội nghị tổng kết công tác PCTT- TKCN năm 2017, triển khai nhiệm vụ 2018 (Thông báo số 5461/TB-UBND ngày 31/5/2018) và nhu cầu của các địa phương 2019	Phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tại các địa phương trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
2	Máy phát điện	Máy		1	1			x		x		
3	Máy khoan đục bê tông	Máy		5	5			x		x		

Phụ lục VII

MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG TẠI SỞ XÂY DỰNG VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
(Bổ sung Phụ lục XV tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 20/2/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng			Nhóm tài sản là thiết bị vẫn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Theo nhu cầu thực tế (nếu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
I	Sở Xây dựng												
1	Máy đo khoảng cách: Leica Disto đo từ 5cm-200m	Cái	1	2	0	3	22.000.000		x		x		Theo nhu cầu thực tế phục vụ công tác thanh tra
2	Máy Scan: Kodak quét 40 tờ/phút, đảo mặt, scan màu	Cái	1	2	3	6	15.000.000	x			x		Theo nhu cầu thực tế Phục vụ lưu trữ số liệu quy hoạch

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Năm 2019	Trong thời gian tới		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Theo nhu cầu thực tế (nêu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
3	Máy in: khổ A3, đảo mặt	Cái	1	3	2	6	70.000.000		x		x		Theo nhu cầu thực tế phục vụ công tác in bản vẽ
4	Máy đo độ rộng vết nứt bê tông: Bộ đọc kỹ thuật số hiển thị chỉ số độ rộng vết nứt, Phân tích tức thời dữ liệu kiểm tra, Diễn giải tự động về chỉ số độ rộng vết nứt để tăng độ chính xác	Cái	0	0	1	1	126.500.000		x		x		Theo nhu cầu thực tế phục vụ công tác kiểm tra nghiệm thu công trình xây dựng

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Năm 2019	Trong thời gian tới		Nhóm tài sản là thiết bị vẫn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Theo nhu cầu thực tế (nếu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
5	Súng thử cường độ bê tông: Tự động chuyển đổi chỉ số bật nảy sang đơn vị cường độ bê tông; Có sẵn một số đường tương quan giữa chỉ số bật nảy và cường độ chịu nén	Cái	0	1	0	1	54.000.000		x		x		Theo nhu cầu thực tế phục vụ công tác kiểm tra nghiệm thu công trình xây dựng
6	Máy đo độ sâu vết nứt bê tông: Máy đo độ sâu vết nứt bê tông dùng để đo độ sâu bằng nguyên lý tách âm; Máy có chức năng tự động phát hiện, lưu trữ và xuất dữ liệu	Cái	0	1	0	1	94.100.000		x		x		Theo nhu cầu thực tế phục vụ công tác kiểm tra nghiệm thu công trình xây dựng

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng			Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Theo nhu cầu thực tế (nếu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
II Trung tâm Tư vấn - Quy hoạch - Kiểm định xây dựng Đồng Nai													
7	Máy toàn đạc điện tử: có khả năng thu được GPS, GLONASS, BDS, SBAS, GALILEO	Cái	0	1	0	1	250.000.000		x		x		Theo nhu cầu thực tế phục vụ công tác đo đạc, cập nhật các chương trình theo công nghệ mới do Bộ TNMT ban hành

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng			Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Theo nhu cầu thực tế (nêu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
				Năm 2019	Trong thời gian tới								
8	Máy in khổ A0	Cái	0	1	0	1	150.000.000		x		x		Theo nhu cầu thực tế phục vụ công tác in bản vẽ quy hoạch khổ lớn
9	Bộ máy vi tính để bàn: có cấu hình core i7, RAM 32 GB, VGA GTX 10X ...trở lên	Bộ	0	3	0	3	90.000.000	x			x		Theo nhu cầu thực tế phục vụ công tác thiết kế bản vẽ quy hoạch
10	Bộ máy vi tính để bàn : từ HP pavilion 570 trở lên	Bộ	0	4	0	4	20.000.000	x			x		Theo nhu cầu thực tế phục vụ công tác thiết kế

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Trong thời gian tới	Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị vẫn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Theo nhu cầu thực tế (nêu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
11	Máy photocopy: tốc độ copy 45 bản/phút, đảo mặt, photo màu	Cái	0	1	0	1	300.000.000	x			x		Theo nhu cầu thực tế phục vụ photo tài liệu, bản vẽ công tác tư vấn, thiết kế

Phụ lục VIII

MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG TẠI SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(Bổ sung Phụ lục XVII tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 20/2/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Theo nhu cầu thực tế (nêu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
				Năm 2019	Trong thời gian tới								
1	Phần mềm quản lý, kiểm tra, giám sát hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Phần mềm		1	1			x	x				QL mạng lưới công trình giao thông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
2	Phần mềm Hệ thống quản lý và điều hành công việc.	Phần mềm		1	1				x	x		KH số: 5206/KH-UBND ngày 10/5/2018	Nâng cấp qly hệ thống văn bản, điều hành công việc
3	Hệ thống cấp đổi GPLX quốc tế cấp độ 4	HT		1	1				x	x		CV số: 2670/BGTVT-TCCB ngày 14/3/2016	Theo nhu cầu cấp đổi GPLX cấp độ 4

Phụ lục IX

MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG DÙNG TẠI SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
(Bổ sung Phụ lục XVI tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 20/2/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ	Ghi chú
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng					
				Năm 2019	Trong thời gian tới						
I	Sở Khoa học và Công nghệ										
1	Máy scan tốc độ cao	Cái	1	1	2	20.000.000	x		x		Theo nhu cầu thực tế
2	Máy in	Cái	3	1	4	25.000.000	x		x		Theo nhu cầu thực tế
3	Máy chụp hình	Cái		1	1	30.000.000		x	x		Theo nhu cầu thực tế
4	Máy tính bộ	Cái		1	1	30.000.000	x		x		Theo nhu cầu thực tế
5	Bộ phận kết nối giữa bộ đàm thoại và bộ đàm tích hợp và mật nạ thở của bộ thiết bị thở	Bộ		1	1	40.000.000		x	x		Theo nhu cầu thực tế

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa			Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ	Ghi chú	
			Số lượng	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng	Nhóm tài sản phục vụ			
6	Bộ đàm	Cái		2	2	20.000.000		x	Hệ Riêng x	Căn cứ Theo nhu cầu thực tế	Theo nhu cầu thực tế (nêu rõ mục đích sử dụng và ứng phó sự cố hạt nhân)
II	Trung tâm Thông tin và thống kê hóa học và công nghệ										
1	Máy scan tốc độ cao	Cái	1	1	2	20.000.000	x		x	Theo nhu cầu thực tế	Phục vụ lưu trữ tài liệu chương trình sau đại học

Phụ lục X

MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG TẠI SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
(Bổ sung Phụ lục XXX tại Quyết định số 08/2019/QĐ-UBND ngày 20/2/2019 của UBND tỉnh)

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng			Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Theo nhu cầu thực tế (nếu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
I	Trung tâm Công nghệ thông tin												
	Máy móc, thiết bị tại Trung tâm Điều hành và tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên môi trường	Hệ thống											Duy trì hệ thống trung tâm điều hành và tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường
1	Bản quyền phần mềm ArcGIS for Server Enterprise Standard (Windows) Upto Four cores License (01 năm)	license		1	1		198.600.000		x	x			
2	Bản quyền cho thiết bị Firewall Fortigate 800C	license		1	1		134.420.000		x	x			
	Máy móc, thiết bị xây dựng hệ thống lưu trữ dữ liệu hình ảnh từ camera giám sát công tác bảo vệ môi trường của các mỏ đá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	Hệ thống											Giám sát công tác bảo vệ môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh
3	Thiết bị lưu trữ dữ liệu NAS RACK	Cái		1	1		92.400.000		x	x			

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Theo nhu cầu thực tế (nêu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
				Năm 2019	Trong thời gian tới								
4	Ổ đĩa lưu trữ	Cái			12	12	13.090.000		x	x			
5	Camera License LIC - SW - QVRPRO-GOLD-EI	Bộ			1	1	15.400.000		x	x			
6	Camera License LIC - SW - QVRPRO-8CH-EI	Bộ			7	7	18.200.000		x	x			
7	Màn hình giám sát	Cái			2	2	15.345.000		x	x			
8	Bộ máy tính bàn để lưu trữ dữ liệu	Cái			1	1	33.880.000	x			x		
	Máy móc, thiết bị xây dựng hệ thống dự phòng cho hệ thống điều hành và tích hợp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.	Hệ thống											Đảm bảo tính an toàn và ổn định toàn bộ CSDL ngành tài nguyên và môi trường
9	Hệ thống Máy chủ Ảo hóa dạng Rack Server	Cái			3	3	798.366.800		x	x			
10	Máy chủ quản trị và Backup dạng Rack Server	Cái			1	1	266.535.500		x	x			
11	Thiết bị lưu trữ dữ liệu chuyên dụng SAN	Cái			1	1	10.161.820.900		x	x			
12	Thiết bị chuyển mạch SAN (SAN Switch)	Bộ			1	1	156.328.700		x	x			
13	Bộ chuyển mạch lõi	Bộ			1	1	333.833.500		x	x			
14	Bộ thiết bị an toàn bảo mật thông tin	Bộ			1	1	530.061.020		x	x			

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng	Năm 2019		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất		
15	Thiết bị an toàn bảo mật thông tin	License		1	1		290.854.200		x	x		Theo nhu cầu thực tế (nếu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)	
16	Phần mềm ảo hóa máy chủ	Bộ		6	6		42.007.200		x	x			
17	Phần mềm quản trị ảo hóa	Bộ		1	1		238.905.600		x	x			
18	Phần mềm kết nối DR-DC	Bộ		2	2		494.730.000		x	x			
19	Bộ SAN Storage tại DC để replication ở mức Storage với Storage ở DR	Bộ		1	1		421.219.700		x	x			
II	Tung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai												
20	Laptop (phục vụ báo cáo)	Cái		3	3		20.000.000	x			x	Phục vụ công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành	
21	Máy tính để bàn (xử lý bàn đồ)	Cái		10	10		20.000.000	x			x		
22	Máy in A4	Cái		3	3		12.000.000	x			x		
23	Máy in A3 (in màu)	Cái		2	2		50.000.000	x			x		
24	Máy photocopy	Cái		1	1		100.000.000	x			x		
25	Máy quay phim	Cái		1	1		25.000.000	x			x		
26	Máy chụp hình	Cái		2	2		30.000.000	x			x		
27	Máy Scan	Cái		2	2		20.000.000	x			x		

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa					Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú		
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng	Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù		Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Theo nhu cầu thực tế (nêu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)		
				Năm 2019	Trong thời gian tới										
III	Văn phòng Đăng ký Đất đai														
	Thiết bị, máy móc														
28	Máy in 02 mặt khổ A3 HP	Cái	47	31	12	90	32.000.000	x			x				In giấy chứng nhận, in bản vẽ đo đạc
29	Máy Scan 02 mặt khổ A3	Cái	30	15	15	60	120.000.000	x			x				Scan giấy chứng nhận, hồ sơ lưu trữ
30	Máy Scan 02 mặt khổ A4	Cái	37	13	20	70	15.000.000	x			x				Scan hồ sơ lưu trữ số lượng nhiều, hiệu suất nhanh
31	Máy toàn đạc điện tử	Bộ	16	18	6	40	96.000.000		x	x					Đo đạc địa chính
32	Máy chủ cơ sở dữ liệu (Server)	Bộ	14	11	5	30	250.000.000		x	x					Cài đặt và truyền tải dữ liệu phần mềm thuộc ngành quản lý đất đai
IV	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường														
33	Máy vi tính phục vụ công tác chuyên môn (core i5, chạy phần mềm Delf 3D, Mike 11, Mapinfo,Arcgis, Autocad...)	Cái	200	50		250	22.000.000	x			x				Phục vụ công tác chuyên môn, đồ họa, autocad...
34	Máy tính xách tay	Cái	20	10		30	30.000.000	x			x				

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ	Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù			
	Năm 2019	Trong thời gian tới										
35	Máy in màu	Cái	2	2		4	13.000.000	x		x		In màu báo cáo
36	Máy in HP DesignJet T1708 Postscript 44inch (1VD84A)+	Cái	0	1		1	160.000.000		x	x		
37	Hệ thống máy quang phổ hấp thụ nguyên tử và thiết bị phụ trợ (máy tính, máy in, phần mềm, bộ lưu điện, linh phụ kiện...)	HT	1	1		2	2.600.000.000		x	x		Phân tích mẫu phòng thí nghiệm
38	Hệ thống lọc chất thải nguy hại	HT	0	1		1	200.000.000		x			
39	Zero - headspace	Cái	0	1		1	750.000.000		x			
40	Máy lắc chiết lỏng lỏng	Cái	0	1		1	140.000.000		x			
41	Thiết bị xử lý mẫu chất hoạt động bề mặt (Sublation apparatus)	Bộ	0	1		1	700.000.000		x			
42	Thiết bị đo đa chỉ tiêu HQ40d - Hach	Bộ	2	4		6	30.000.000		x			
43	Thiết bị đo ồn tích phân Rion	Bộ	1	2		3	50.000.000		x			Đo đặc, Thu mẫu hiện trường
44	Bộ hiệu chuẩn lưu lượng cho thiết bị lấy mẫu bụi thể tích cao. Model OFD-1	Bộ	0	1		1	300.000.000		x			
45	Thiết bị lấy mẫu bụi khí thải Chugai	Bộ	1	1		2	300.000.000		x			

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	
				Năm 2019	Trong thời gian tới							
46	Thiết bị đo dòng chảy (lưu lượng) trên sông lớn	Bộ	0	1		1	1.500.000.000			x		Theo nhu cầu thực tế (nêu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
47	Bơm lấy mẫu nước dưới đất (bơm hòa tiến)	Bộ	1	1		2	400.000.000		x		x	
48	Ôn áp	Bộ	5	1		6	15.000.000		x		x	
49	Mainboard Tecora Basic và tecora G4	Bộ	0	1		1	200.000.000		x		x	
50	Cân điện tử hiện trường (3 số - sai số cho phép 0,5g).	Cái	0	2		2	100.000.000		x		x	
51	Máy định vị GPS 2 Tần số - David Gnss	Bộ	0	4		4	280.000.000		x		x	Đo đạc, Thu mẫu hiện trường
52	Máy phát điện lấy mẫu hiện trường	Cái	2	4		6	40.000.000				x	
53	Bơm thu mẫu khí lưu lượng thấp	Cái	10	11		21	45.000.000		x		x	
54	Bể điều nhiệt	Cái	1	1		2	350.000.000		x		x	
55	Thiết bị đo Chuẩn âm	Cái	1	1		2	80.000.000		x		x	
56	Thiết bị đo Chuẩn lưu lượng	Cái	1	1		2	90.000.000		x		x	
57	Thiết bị đo vận tốc, hướng gió	Cái	0	8		8	30.000.000		x		x	

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ	Ghi chú		
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù				
Năm 2019	Trong thời gian tới												
58	Thiết bị đo đa năng testo 435-4 (Ánh sáng, vận tốc gió, nhiệt độ - độ ẩm, CO2, áp suất)	Cái	2	6		8	90.000.000		x		Riêng lẻ		
59	Thiết bị thu mẫu bụi thể tích cao	Cái	7	4		11	230.000.000		x				
60	Thiết bị thu mẫu khí thải đẳng tốc (Bụi, dioxin, hơi kim loại, hơi axit,...)	Cái	2	2		4	1.200.000.000		x				
61	Thiết bị đo pH HQ11d - Hach	Cái	8	4		12	50.000.000		x				Đo đặc, Thu mẫu hiện trường
62	Thiết bị đo nhanh khí thải testo 350	Cái	4	4		8	400.000.000		x				
63	Thiết bị thu mẫu thể tích cao (Dioxin)	Cái	1	1		2	350.000.000		x				
64	Thiết bị thu mẫu bụi thể tích cao (PM10, PM2.5)	Cái	0	4		4	350.000.000		x				
65	Thiết bị thu mẫu (khí thải) chất hữu cơ	Cái	1	1		2	400.000.000		x				

Đo đạc, Thu mẫu hiện trường

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	
				Năm 2019	Trong thời gian tới							
66	Máy đo độ đục	Cái	4	1		5	30.000.000		x			Theo nhu cầu thực tế (nêu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
67	Thiết bị đo độ rung	Cái	0	4		4	70.000.000		x			
68	Thiết bị đo nhanh khí độc trong môi trường xung quanh, môi trường lao động	Cái	0	4		4	50.000.000		x			
69	Máy thổi khí chuyên dụng dùng thổi rửa giếng khoan	Cái	0	1		1	770.000.000		x			
70	Máy so màu UV-VIS	Cái	1	1		2	700.000.000		x			Hiệu chuẩn, kiểm định
71	Bể điều nhiệt	Cái	1	1		2	338.776.000		x			
72	Máy so màu UV-VIS	Cái	1	1		2	829.280.000		x			
73	Cân Chuẩn 5 số	Cái	1	1		2	216.000.000		x	x		
74	Quả Cân chuẩn	Cái	1	1		2	500.000.000		x			
75	Hệ thống kính lọc chuẩn	Cái	1	1		2	200.000.000		x	x		
76	Tủ lạnh bảo quản hóa chất	Cái	9	9		18	50.000.000		x			
77	Hệ thống hiệu chuẩn nhiệt	Cái	1	1		2	800.000.000		x			

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng			Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Theo nhu cầu thực tế (nêu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
			Năm 2019	Trong thời gian tới									
78	Cặp nhiệt chuẩn	Cái	1	1		2	500.000.000		x	x			Hiệu chuẩn, kiểm định
79	Hệ thống chuẩn độ điện thế	Cái	1	1		2	800.000.000		x		x		
80	Máy đo pH cầm tay	Cái	1	1		2	178.080.000		x		x		
81	Máy đo độ đục	Cái	2	2		4	200.000.000		x		x		
82	Nhiệt áp kế chuẩn	Cái	1	1		2	100.000.000		x		x		
83	Tủ sấy	Cái	2	2		4	100.000.000		x		x		
84	Đồng hồ đo nhiệt độ hiện số	Cái	2	2		4	500.000.000	x			x		Vận hành trạm quan trắc không khí
	Trạm Không khí cố định												
85	Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số nhiệt độ	Chiếc	2	2		4	448.620.000		x		x		
86	Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số độ ẩm												
87	Modul quan trắc khí tượng (Meteorology) đo thông số tốc độ gió	Chiếc	2	2		4	119.630.000		x		x		
88	Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số hướng gió	Chiếc	2	2		4	119.630.000		x		x		

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	
				Năm 2019	Trong thời gian tới							
89	Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số bức xạ mặt trời	Chiếc	2	2		4	119.630.000		x			Theo nhu cầu thực tế (nêu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
90	Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số áp suất khí quyển	Chiếc	2	2		4	119.630.000					
91	Modul quan trắc Bụi TSP	Chiếc	2	2		4	1.884.210.000		x			
	Modul quan trắc Bụi PM-10								x			
	Modul quan trắc Bụi PM-2,5								x			
	Modul quan trắc Bụi PM-1								x			
92	Modul quan trắc khí NO	Chiếc	2	2		4	783.100.000		x			Vận hành trạm quan trắc không khí
	Modul quan trắc khí NO ₂								x			
	Modul quan trắc khí NO _x								x			
	Modul quan trắc khí SO ₂								x			
93	Modul quan trắc khí SO ₂	Chiếc	2	2		4	1.300.000.000		x			
94	Modul quan trắc khí CO	Chiếc	2	2		4	877.300.000		x			
95	Modul quan trắc O ₃	Chiếc	2	2		4	877.300.000		x			
96	Modul quan trắc THC	Chiếc	2	2		4	1.281.570.000		x			
97	Modul quan trắc BTX	Chiếc	2	2		4	1.515.350.000		x			
98	Điều hòa trạm	Chiếc	2	2		4	15.000.000		x			
99	Hệ thống lấy mẫu khí	Chiếc	2	2		4	448.620.000		x			
100	Nguồn điện cho trạm	Chiếc	2	2		4	200.000.000		x	x		
101	UPS - Bộ lưu điện online	Chiếc	2	2		4	194.400.000		x	x		
102	Hệ thống chuẩn khí	Chiếc	2	2		4	821.980.000		x			
103	Bộ điều khiển khí cho pha loãng	Chiếc	2	2		4	821.980.000		x	x		

Vận hành trạm quan trắc không khí

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số kiến trang bị	Trong thời gian tới	Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ		
104	Máy tạo ozon	Chiếc	2	2		4	877.300.000		x	x		Theo nhu cầu thực tế (nếu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)	Căn cứ pháp lý đề xuất
105	Bộ tạo khí Zero	Chiếc	2	2		4	521.059.000		x	x			
106	Chai khí chuẩn 10 lít CO	Chai	2	2		4	249.235.000		x	x			
107	Chai khí chuẩn 10 lít SO ₂	Chai	2	2		4	204.650.000		x		x		
108	Chai khí chuẩn 10 lít NO	Chai	2	2		4	182.080.000		x		x		
109	Cột khí tự trọng	Chiếc	2	2		4	250.000.000		x		x		
110	Chai khí chuẩn N2	Chiếc	2	2		4	249.235.000		x	x			
111	Hệ thống thu thập kết nối dữ liệu	HT										Vận hành trạm quan trắc không khí	
	* Cổng kết nối mạng LAN 16 chỗ cắm và linh kiện đồng bộ												
	* Cáp kết nối phân tích/MSA												
	* Bộ điều khiển và phụ kiện												
	* Máy tính tại trạm												
112	Modem truyền phát dữ liệu về hệ thống trung tâm Điều hành	Chiếc	2	2		4	150.000.000		x		x		
113	Hệ thống báo cháy báo khói	Chiếc	2	2		4	50.000.000	x		x			
114	Camera	Chiếc	2	2		4	50.000.000	x		x			
115	Vỏ trạm loại chuyên dụng	Cái	2	2		4	751.300.000	x			x		

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Ghi chú
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị	Tổng cộng			Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù			
	Xe Không khí tự động di động											
116	Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số nhiệt độ	Chiếc	1	1		2	448.620.000	x		x		
	Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số độ ẩm							x		x		
117	Modul quan trắc khí tượng (Meteorology) đo thông số tốc độ gió	Chiếc	1	1		2	119.630.000	x		x		
118	Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số hướng gió	Chiếc	1	1		2	119.630.000	x		x		
119	Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số bức xạ mặt trời	Chiếc	1	1		2	119.630.000	x		x		Vận hành xe quan trắc không khí di động
120	Modul quan trắc khí tượng (Meteorology), đo thông số áp suất khí quyển	Chiếc	1	1		2	119.630.000		x	x		
121	Modul quan trắc Bụi TSP	Chiếc	1	1		2	1.884.210.000		x	x		
	Modul quan trắc Bụi PM-10											
	Modul quan trắc Bụi PM-2,5											
	Modul quan trắc Bụi PM-1											
122	Modul quan trắc khí NO	Chiếc	1	1		2	783.100.000		x	x		
	Modul quan trắc khí NO ₂	Chiếc										
	Modul quan trắc khí NO _x	Chiếc										

Vận hành xe quan trắc không khí di động

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống	Riêng lẻ	Căn cứ pháp lý đề xuất	Theo nhu cầu thực tế (nêu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
			Năm 2019	Trong thời gian tới									
123	Modul quan trắc khí SO ₂	Chiếc	1	1		2	1.300.000.000		x		x		Vận hành xe quan trắc không khí di động
124	Modul quan trắc khí CO	Chiếc	1	1		2	877.300.000		x		x		
125	Modul quan trắc O ₃	Chiếc	1	1		2	877.300.000				x		
126	Modul quan trắc THC	Chiếc	1	1		2	1.281.570.000				x		
127	Modul quan trắc BTX	Chiếc	1	1		2	1.515.350.000				x		
128	Điều hòa trạm	Chiếc	1	1		2	15.000.000				x		
129	Hệ thống lấy mẫu khí	Chiếc	1	1		2	448.620.000				x		
130	Nguồn điện cho trạm	Chiếc	1	1		2	200.000.000				x		
131	UPS - Bộ lưu điện online	Chiếc	1	1		2	194.400.000				x		
132	Hệ thống chuẩn khí	Chiếc	1	1		2	821.980.000	x			x		
133	Bộ điều khiển khí cho pha loãng	Chiếc	1	1		2	821.980.000				x		
134	Máy tạo ozon	Chiếc	1	1		2	877.300.000	x			x		
135	Bộ tạo khí Zero	Chiếc	1	1		2	521.059.000				x		
136	Chai khí chuẩn 10 lít CO	Chiếc	1	1		2	249.235.000			x			
137	Chai khí chuẩn 10 lít SO ₂ ,	Chai	1	1		2	204.650.000				x		
138	Chai khí chuẩn 10 lít NO	Chai	1	1		2	182.080.000			x			
139	Cột khí tương	Chiếc	1	1		2	250.000.000				x		
140	Chai khí chuẩn N2	Chai	1	1		2	249.235.000				x		
141	Hệ thống thu thập kết nối dữ liệu	HT	1	1		2	468.560.000		x	x			
	Cổng kết nối mạng LAN 16 cổng cắm và linh kiện đồng bộ												
	Cáp kết nối phân tích/MSA												
	Bộ điều khiển và phụ kiện												
	Máy tính tại trạm												

Vận hành xe quan trắc không khí di động

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ	Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù			
				Năm 2019	Trong thời gian tới							Hệ thống
Căn cứ pháp lý đề xuất												
Theo nhu cầu thực tế (nêu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)												
Vận hành xe quan trắc không khí di động												
142	Modem truyền phát dữ liệu về hệ thống trung tâm Điều hành	Chiếc	1	1		2	150.000.000	x		x		
143	Hệ thống báo cháy báo khói	Chiếc	1	1			50.000.000	x		x		
144	Camera	Chiếc	1	1		2	50.000.000	x		x		
	Nước mặt											
145	Thiết bị đo Nhiệt độ	Cái	5	5		10		x		x		
146	Thiết bị đo pH	Cái	5	5		10	106.070.000	x	x			
147	Thiết bị đo ORP	Cái	5	5		10	106.070.000	x	x			
148	Thiết bị đo Ôxy hoà tan (DO)	Cái	5	5		10	105.680.000					
149	Thiết bị đo Độ dẫn điện (EC)	Cái	5	5		10	106.070.000		x	x		
150	Thiết bị đo Độ đục	Cái	5	5		10	566.260.000		x	x		
151	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Cái	5	5		10	548.365.000		x	x		
152	Thiết bị đo Amoni (NH ₄ ⁺)	Cái	5	5		10	932.140.000		x	x	Vận hành trạm quan trắc nước mặt	
	Thiết bị Nitrat (NO ₃)	Cái										
153	Thiết bị Tổng nitơ (TN)	Cái	5	5		10	1.404.700.000		x	x		
154	Thiết bị Tổng photpho (TP)	Cái	5	5		10	1.404.700.000		x	x		
155	Thiết bị Tổng các bon hữu cơ (TOC)	Cái	5	5		10	1.404.700.000		x	x		
156	Vỏ trạm loại chuyên dụng	Cái	5	5		10	751.300.000		x	x		
157	Điều hòa trạm	Cái	5	5		10	15.000.000		x	x		
158	Nguồn điện cho trạm	Cái	5	5		10	200.000.000		x	x		
159	UPS - Bộ lưu điện online	Cái	5	5		10	194.400.000		x	x		
160	Hệ thống lấy mẫu	Cái	5	5		10	294.600.000		x	x		
161	Bộ kết nối điều khiển các cảm biến	Cái	5	5		10	468.560.000	x		x		

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ		Căn cứ pháp lý đề xuất	Ghi chú
			Số lượng đã trang bị	Số kiến trúc bị	Năm 2019	Trong thời gian tới		Tổng cộng	Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Hệ thống riêng lẻ		
162	Bộ lấy mẫu nước tự động	Cái	5	5	5	10	409.240.000		x	x			Theo nhu cầu thực tế (nếu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)
	Hệ thống thu thập dữ liệu	Cái									x		
163	Cáp kết nối phân tích												
	Phần mềm thu thập tín hiệu tại chỗ												Vận hành trạm quan trắc nước mặt
	Bộ điều khiển và phụ kiện	Cái	5	5	5	10	468.560.000			x			
	Máy tính tại trạm												
	Modem truyền phát dữ liệu về hệ thống trung tâm Điều hành												Vận hành trạm quan trắc nước mặt
164	Hệ thống báo cháy báo khói	Cái	5	5	5	10	50.000.000			x			
165	Hệ thống chống sét trực tiếp	Cái	5	5	5	10	100.000.000			x			
	Nước Thái												Vận hành trạm quan trắc nước thái
166	Thiết bị đo Lưu lượng	Cái	25	25	25	50	150.000.000			x	x		
167	Thiết bị đo Nhiệt độ	Cái	25	25	25	50			x				
168	Thiết bị đo pH	Cái	25	25	25	50	106.070.000		x				
169	Thiết bị đo Độ màu	Cái	25	25	25	50	500.000.000		x				
170	Thiết bị đo Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	Cái	25	25	25	50	548.365.000		x				
171	Thiết bị COD	Cái	25	25	25	50	1.404.700.000						
172	Thiết bị đo Amoni (NH4+)	Cái	25	25	25	50	932.140.000			x			
173	Điều hòa trạm	Cái	50	50	50	100	15.000.000			x			
174	Nguồn điện cho trạm	Cái	25	25	25	50	200.000.000			x			
175	UPS - Bộ lưu điện online	Cái	25	25	25	50	194.400.000			x			
176	Hệ thống lấy mẫu	Cái	50	50	50	100	294.600.000			x			
177	Bộ kết nối điều khiển các cảm biến	Cái	25	25	25	50	468.560.000			x			

STT	Tên, chủng loại máy móc, thiết bị chuyên dùng	ĐVT	Số lượng tối đa				Giá trị (đồng/ tài sản)	Tài sản thuộc nhóm		Tài sản theo hệ thống hoặc riêng lẻ	Ghi chú	
			Số lượng đã trang bị	Số lượng dự kiến trang bị		Tổng cộng		Nhóm tài sản là thiết bị văn phòng nhưng phục vụ nhiệm vụ đặc thù	Nhóm tài sản phục vụ nhiệm vụ đặc thù			
Năm 2019	Trong thời gian tới											
178	Bộ lấy mẫu nước tự động	Cái	25	25	50	409.240.000		x			Theo nhu cầu thực tế (nêu rõ mục đích sử dụng, sự cần thiết phải trang bị tài sản)	Căn cứ pháp lý đề xuất
179	Hệ thống thu thập dữ liệu											
	* Thẻ đầu vào kỹ thuật số											
	* Thẻ điều khiển cho tín hiệu đầu vào analog											
	* Cáp kết nối phân tích	Cái	25	25	50	468.560.000		x	x			
	* Phần mềm thu thập tín hiệu tại chỗ											
	* Bộ điều khiển và phụ kiện										Vận hành trạm quan trắc nước thải	
180	Máy tính tại trạm	Cái	25	25	50	30.000.000		x		x		
181	Modem truyền phát dữ liệu về hệ thống trung tâm Điều hành	Cái	25	25	50	50.000.000		x		x		
182	Hệ thống báo cháy báo khói	Cái	25	25	50	50.000.000		x		x		
183	Hệ thống chống sét trực tiếp	Cái	25	25	50	50.000.000		x		x		